TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 22/2018/DS - GĐT
Ngày: 23/8/2018
V/v tranh chấp thừa kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tống Anh Hào;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thúy Hiền

- Ông Nguyễn Văn Du;

- Ông Chu Xuân Minh;

- Ông Lê Văn Minh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thu Hải Yến, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "Tranh chấp thừa kế" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim L, sinh năm 1966; cư trú tại: 366/49 G, phường T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1960; cư trú tại: 462 T, Phường AB, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bị đơn:

1. Bà Võ Thị L1, sinh năm 1950; cư trú tại: ấp A, xã AT, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

2. Ông Võ Văn X, sinh năm 1952; cư trú tại: C10A/30 đường V, Ấp 3A, VL, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Bà Võ Thị N, sinh năm 1954; cư trú tại: 603 N, Phường AB, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Anh Võ Minh N, sinh năm 1989; cư trú tại: 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (con ông S);

5. Bà Võ Thị T, sinh năm 1958; cư trú tại: 11E2, Khu phố 1, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

6. Ông Võ Văn N1, sinh năm 1962; cư trú tại: 562 P, Khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

7. Anh Võ Thanh T, sinh năm 1968; cư trú tại: 28F N, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

8. Bà Võ Thị Kim L2, sinh năm 1964; cư trú tại: 6120 Broading Road Trussville Alameba 35173 USA. Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Thanh T (Văn bản ủy quyền ngày 16/4/2014).

9. Bà Võ Thị D, sinh năm 1956; cư trú tại: 366/49 G, phường T, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2006 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Võ Thị Kim L trình bày:

Vợ chồng cụ Võ Văn S (chết năm 1996, không để lại di chúc), cụ Nguyễn Thị C có 10 người con chung là các ông, bà: Võ Thị L1, Võ Văn X, Võ Thị N, Võ Thị D, Võ Thị T, Võ Văn N1, Võ Thanh T, Võ Văn S, Võ Thị Kim L2 và bà Võ Thị Kim L. Vợ chồng cụ C tạo lập được căn nhà tại số 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (được Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp giấy phép hợp thức hóa quyền sở hữu nhà số 360/GP-CS ngày 05/4/1993).

Các con của vợ chồng cụ C đều lập gia đình ở riêng, còn bà không lập gia đình, ở cùng vợ chồng cụ C tại nhà đất nêu trên. Ngày 06/3/1998, cụ C lập di chúc giao nhà đất trên cho bà quản lý, thờ cúng ông bà, tổ tiên; nếu bán phải được sự thống nhất của 10 người con của vợ chồng cụ C, có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường CD. Năm 1998, cụ C chết, bà đã thực hiện di chúc nêu trên, quản lý, sử dụng nhà đất vào việc thờ cúng. Cùng thời gian này, ông S ly hôn vợ, nên bà đồng ý cho ông S cùng anh Võ Minh N (con ông S) nhập hộ khẩu và sử dụng toàn bộ mặt tiền nhà để kinh doanh buôn bán. Năm 2005, bà đưa giấy tờ nhà đất và di chúc của cụ C để ông S thế chấp, vay ngân hàng.

Do ông S không tôn trọng, thậm chí còn hành hung, đe dọa bà nên bà yêu cầu Tòa án giao phần di sản của cụ C cho bà quản lý theo di chúc, chia phần di sản của cụ S theo pháp luật; xin nhận toàn bộ nhà đất, thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế được hưởng từ phần di sản của cụ S và thanh toán chi phí sửa chữa nhà cho ông S và ông T.

Bị đơn là ông Võ Văn S trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản. Cụ S chết, không để lại di chúc, còn cụ C chết có để lại di chúc với nội dung để lại nhà đất làm nơi thờ cúng, có chứng nhận của Ủy ban nhân dân Phường CD. Tuy nhiên, di chúc này do bà L2 viết hộ, trong khi cụ C bị bệnh nặng, không còn minh mẫn và không biết chữ nên đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của di chúc. Ông về sống tại nhà đất nêu trên từ năm 1998, có sửa chữa lại nhà với chi phí khoảng 80.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu thanh toán, đề nghị được quản lý nhà đất nêu trên để thờ cúng.

Sau đó, ông S thừa nhận di chúc ngày 06/3/1998 là do cụ C lập, nhưng cho rằng bà L bỏ nhà, không thực hiện nghĩa vụ theo di chúc; đề nghị Tòa án giao nhà đất cho ông S quản lý để thờ cúng tổ tiên, đồng ý thanh toán bằng giá trị cho các thừa kế có yêu cầu chia nhà đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Văn X, bà Võ Thị D, ông Võ Văn N1, bà Võ Thị Kim L2 thống nhất lời trình bày của bà L, đề nghị giao phần di sản của cụ C cho bà L quản lý theo di chúc, đồng ý cho bà L kỷ phần thừa kế được hưởng từ phần di sản của cụ S. Sau đó, ông X, ông N, bà L2 lại thống nhất với lời trình bày của ông S, đề nghị giao nhà đất cho ông S quản lý, thờ cúng tổ tiên, đồng ý thanh toán giá trị cho các thừa kế có yêu cầu chia nhà đất; riêng bà D yêu cầu chia phần di sản của cụ S, đồng ý giao phần di sản của cụ C cho bà L quản lý.

- Bà Võ Thị L1, bà Võ Thị N, bà Võ Thị T, ông Võ Thanh T thống nhất với lời trình bày của ông S, đồng ý giao kỷ phần được hưởng từ phần di sản của cụ S cho ông S để ông S quản lý toàn bộ nhà đất. Riêng ông T cho rằng đã nhiều lần sửa chữa nhà, nhưng không có yêu cầu giải quyết, sau đó cho rằng nếu chia thừa kế theo pháp luật thì phải trích trả công quản lý và sửa chữa nhà cho ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 04/01/2010, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kim L đòi chia thừa kế theo pháp luật và theo di chúc.

Công nhận nhà số 209 L, Phường CD, Quận 8 có diện tích 52,80m^2 là di sản chung của cụ Võ Văn S và cụ Nguyễn Thị C.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế không yêu cầu giải quyết tiền mai táng cụ S và cụ C cũng như tiền công nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông T và ông S không yêu cầu giải quyết tiền sửa chữa nhà 209 L, Phường CD, Quận 8. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L được tiếp tục quản lý phần di sản của cụ C (kể cả phần cụ C được hưởng của cụ S) là 28,8m^2 để thờ cúng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông X, ông N, bà D, bà L2 không nhận phần thừa kế của cụ S, đồng ý cho bà L sở hữu.

Giao cho bà L sở hữu phần thừa kế của cụ S là 12m^2 của căn nhà số 209 L. Phường CD, Quận 8. Bà L có trách nhiệm hoàn lại cho ông S, bà L1, bà N, ông T, bà T mỗi người 2,4m^2 đất của nhà 209 L theo giá trị đất lúc thi hành án và tiền xây dựng nhà là 13.201.204 đồng/người.

Ông S, bà L1, bà N, ông T, bà T, anh N có trách nhiệm giao lại cho bà L căn nhà 209 L sau khi được bà L thực hiện xong nghĩa vụ đối với các ông bà kể trên (trừ anh N).Buộc ông S tự thực hiện việc tháo dỡ phần diện tích lấn chiếm lộ giới do ông S tự tu bổ sau khi bà L thanh toán giá trị quyền sử dụng đất cho ông S.

Tạm giao cho bà L quản lý phần diện tích chiếm lộ giới của cụ S và cụ C là 44,20m^2. Khi nhà nước có yêu cầu giải tỏa, các đồng thừa kế và bà L phải chấp hành.

Ngày 06/01/2010, ông S, bà N, ông T, bà L1, bà T có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 187/2010/DSPT ngày 07/9/2010, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể phần sửa: *Xác định bà L được sở hữu phần di sản thừa kế của cụ S là 24 m^2(án sơ thẩm là 12 m^2) và ghi nhận sự tự nguyện của bà L, buộc bà L hoàn trả tiền chi phí sửa chữa nhà cho ông S 80.000.000 đồng, cho ông T 30.000.000 đồng.*

Sau khi xử phúc thẩm, ông S, ông T, bà L1, bà N, bà T, ông X, ông N có đơn đề nghị xem xét lại Bản án phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 350/2013/KN-DS ngày 14/8/2013, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 04/01/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 148/2013/GĐT-DS ngày 17/12/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định (tóm tắt):

Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 187/2010/DS-PT ngày 07/9/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2010/DS-ST ngày 04/01/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1209/2014/DS-ST ngày 08/10/2014, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L. Xác định căn nhà số 209 L là tài sản chung của 10 người con của cụ C. Mỗi người được xác định phần quyền sở hữu là 1/10 đối với tài sản chung này.

Chấp nhận yêu cầu của 08 đồng thừa kế (trừ bà L, bà D) giao cho ông S thay bà L thực hiện nội dung Bản di chúc do cụ C lập ngày 06/3/1998, thực hiện quyền quản lý, sử dụng căn nhà trên để ở và thờ cúng cha mẹ, ông bà tổ tiên, nếu bán nhà phải được sự đồng ý của 9 đồng thừa kế còn lại.

Các đương sự được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu chung theo phần đối với căn nhà trên.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chia sẻ một phần chi phí cưỡng chế thi hành án mà bà L đã ứng chi trong giai đoạn thi hành án, cụ thể: Bà D thanh toán cho bà L số tiền 10.000.000 đồng; ông T thanh toán cho bà L số tiền 10.000.000 đồng; Bà L2 thanh toán cho bà L số tiền 10.000.000 đồng.

Ông S được quyền liên hệ với cơ quan Thi hành án để nhận lại các tài sản đã gửi giữ khi cưỡng chế thi hành án.

Bà L được quyền liên hệ vời cơ quan Thi hành án để nhận lại các khoản tiền đã thi hành án,cụ thể: Bà L được nhận lại số tiền 698.006.020 đồng và được nhận lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.130.000 đồng. Bà L phải thanh toán trả lại cho cơ quan thi hành án các khoản chi phí cưỡng chế, chi phí thẩm định giá, tiền vận chuyển tài sản của ông S, tiền thuê nhà giữ tài sản của ông S, chi phí đăng báo nhận tài sản do đã phát sinh thực chi tại giai đoạn thi hành án mà cơ quan thi hành án đã ứng chi (không kể các khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm do phải hoàn lại cho đương sự) và bà L được hưởng toàn bộ khoản tiền lãi gửi tiết kiệm đối với khoản tiền chưa thi hành án như Thông báo số 8118/CTHA ngày 19/5/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả thi hành bản án dân sự phúc thẩm số 187/2010/DSPT ngày 07/9/2010.

Ngày 20/10/2014, bà Võ Thị Kim L, bà Võ Thị D đều có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2015/DS-PT ngày 10/4/2015, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Kim L. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị D. Sửa một phần Bản án sơ thẩm về nội dung hỗ trợ chi phí cưỡng chế thi hành án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Võ Thị Kim L: Xác định căn nhà số 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của 10 người con của cụ Nguyễn Thị C gồm: Bà Võ Thị Kim L, ông Võ Văn S, bà Võ Thị L1, ông Võ Văn X, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D, ông Võ Thanh T, bà Võ Thị T, ông Võ Văn N1 và bà Võ Thị Kim L2. Mỗi người được xác định phần quyền sở hữu là 1/10 đối với tài sản chung này.

Chấp nhận yêu cầu của tám đồng thừa kế: Ông Võ Văn S, bà Võ Thị L1, ông Võ Văn X, bà Võ Thị N, ông Võ Thanh T, bà Võ Thị T, ông Võ Văn N1 và bà Võ Thị Kim L2, giao cho ông Võ Văn S thay bà Võ Thị Kim L thực hiện nội dung Bản di chúc do cụ Nguyễn Thị C lập ngày 06/3/1998, thực hiện quyền quản lý, sử dụng căn nhà số 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và thờ cúng cha mẹ, ông bà tổ tiên, nếu bán nhà phải được sự đồng ý của chín đồng thừa kế còn lại.

Các đương sự được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu chung theo phần như trên đối với căn nhà số 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ chia sẻ một phần chi phí cưỡng chế thi hành án mà bà Võ Thị Kim L đã ứng chi trong giai đoạn thi hành án, cụ thể: Ông Võ Thanh T thanh toán cho bà Võ Thị Kim L số tiền 10.000.000 đồng, bà Võ Thị Kim L2 thanh toán cho bà Võ Thị Kim L số tiền 10.000.000 đồng. Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Võ Văn S được quyền liên hệ Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận lại các tài sản đã được Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh cưỡng chế đem gửi nơi khác khi thi hành án.

Bà Võ Thị Kim L được quyền liên hệ Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để nhận lại các khoản tiền đã thi hành án theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 6073/GXN - THA ngày 23/7/2013 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể: Bà Võ Thị Kim L được nhận lại số tiền 698.006.020 đồng theo biên lai thu số 8471 ngày 24/10/2012 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh và được nhận lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.130.000 đồng theo biên lai thu số 0640 ngày 24/10/2012 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Võ Thị Kim L phải thanh toán trả lại cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh các khoản chi phí cưỡng chế, chi phi thẩm định giá, tiền vận chuyển tài sản của ông S, tiền thuê nhà giữ tài sản của ông S, chi phí đăng báo nhận tài sản do đã phát sinh thực chi tại giai đoạn thi hành án mà cơ quan thi hành án đã ứng chi (không kể các khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm do phải hoàn lại cho đương sự) và bà L được hưởng toàn bộ khoản tiền lãi gửi tiết kiệm đối với khoản tiền chưa thi hành án như Thông báo số 8118/CTHA ngày 19/5/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông báo kết quả thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 187/2010/DSPT ngày 07/9/2010 của Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2010/DSST ngày 04/01/2010 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/9/2015, bà Võ Thị Kim L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 13/2018/KN-DS ngày 02/4/2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm huỷ Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 1209/2014/DS-ST ngày 08/10/2014 củaTòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng các đương sự đều thống nhất: Vợ chồng cụ Võ Thị S, cụ Nguyễn Thị C có 10 người con, gồm các ông, bà: Võ Thị L1, Võ Văn X,

Võ Thị N, Võ Thị D, Võ Thị T, Võ Văn N1, Võ Thanh T, Võ Văn S, Võ Thị Kim L2 và bà Võ Thị Kim L. Cụ S, cụ C tạo lập được căn nhà tại số 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (được Ủy ban nhân dân Quận 8 cấp Giấy phép hợp thức hóa quyền sở hữu nhà số 360/GP-CS ngày 05/4/1993). Cụ S chết ngày 16/8/1996, không để lại di chúc. Cụ C chết ngày 23/4/1998, để lại Bản di chúc ngày 06/3/1998 (có chứng thực của Ủy ban nhân dân Phường CD) với nội dung giao cho bà L quản lý căn nhà trên, dùng vào việc thờ cúng, không được mua bán, sang nhượng cho bất cứ ai, nếu không được sự chấp thuận của 09 anh, chị ruột của bà L.

[2] Nhà và đất tại số 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của vợ chồng cụ S, cụ C. Cụ S chết năm 1996, theo Điều 17 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 quy định "Khi một bên chết trước, nếu cần chia tài sản chung của vợ chồng thì chia đôi. Phần tài sản của người chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế. Vợ chồng có quyền thừa kế tài sản của nhau". Như vậy, sau khi cụ S chết ½ ngôi nhà và đất nói trên là di sản của cụ S; cụ S không lập di chúc cho nên tài sản của cụ C là ½ ngôi nhà số 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và phần được hưởng thừa kế di sản của cụ S theo pháp luật.

[3] Theo Điều 649 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định "Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết". Bản di chúc ngày 06/3/1998 của cụ C có nội dung giao toàn bộ nhà số 209 L, Phường CD, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà L quản lý dùng vào việc thờ cúng. Như vậy, di chúc của cụ C đã định đoạt cả phần di sản của cụ S. Cho nên, đối với phần định đoạt di sản của cụ S trong bản di chúc của cụ C là trái pháp luật. Theo điểm b khoản 1 Điều 655 Bộ luật dân sự năm 1995 thì di chúc được coi là hợp pháp khi nội dung di chúc đó không trái pháp luật. Đồng thời, tại khoản 4 Điều 670 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định "Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại, thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật". Như vậy, di chúc ngày 06/3/1998 của cụ C chỉ có hiệu lực pháp luật đối với phần di sản của cụ C, còn phần di sản của cụ S không có hiệu lực pháp luật.

[4] Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giao phần di sản của cụ C cho bà quản lý, thờ cúng theo di chúc nêu trên; chia phần di sản của cụ S theo pháp luật, đồng ý thanh toán giá trị cho các đồng thừa kế để nhận toàn bộ nhà đất. Bà D thống nhất với yêu cầu của bà L. Những người con khác của cụ S, cụ C đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của bản di chúc nêu trên, sau đó thừa nhận di chúc đã thể hiện đúng ý chí của cụ C; đề nghị Tòa án giao toàn bộ nhà đất cho ông S quản lý,

dùng vào việc thờ cúng, đồng ý thanh toán giá trị cho các thừa kế có yêu cầu chia phần di sản của cụ S. Như vậy, bà L, bà D đều có yêu cầu đề nghị Tòa án xét xử chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ S. Cụ S chết ngày 16/8/1996, tại thời điểm khởi kiện bà L yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ S đề ngày 07/7/2006. Tại bản án dân sự sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S là bỏ sót yêu cầu của đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng tuy đơn khởi kiện ghi ngày 07/7/2006 nhưng theo thông báo của Tòa án sơ thẩm thì bà L nộp đơn khởi kiện ngày 02/10/2006 nên đã hết thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của cụ S, nhưng lại tuyên đó là tài sản chung cho 10 người con của cụ S cũng là giải quyết không đúng yêu cầu của đương sự.

[5] Tại Biên bản cưỡng chế giao tài sản ngày 20/6/2013, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành cưỡng chế đối với ông S, ông T, bà L1, bà T, bà N do họ không tự nguyện thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 187/2010/DSPT ngày 07/9/2010 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bản án trên đã bị hủy để giải quyết lại theo Quyết định giám đốc thẩm số 148/2013/GĐ-DS ngày 17/12/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Theo Công văn số 8118/CTHA ngày 19/5/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh thì tổng số chi phí cưỡng chế thi hành án là 105.429.000 đồng, trong đó ông S phải chịu riêng là 65.889.000 đồng (gồm chi phí thẩm định giá, tiền vận chuyển, thuê nhà gửi giữ tài sản của ông S) và ông S, ông T, bà L1, bà T, bà N phải chịu chung là 39.540.000 đồng.

Theo khoản 1 Điều 73 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người phải chịu chi phí cưỡng chế là người phải thi hành án.

Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) người bị cưỡng chế để thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 187/2010/DSPT là ông Võ Văn S, bà Võ Thị L1, bà Võ Thị N, bà Võ Thị T phải là người chịu chi phí cưỡng chế. Nhưng khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại buộc bà L phải thanh toán cho Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh các khoản chi phí nói trên mà cơ quan thi hành án đã ứng chi là không đúng và không đảm bảo quyền lợi của bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 13/2018/KN-DS ngày 02/4/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2015/DS-PT ngày 10/4/2015 của Toà Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 1209/2014/DS-ST ngày 08/10/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án "Tranh chấp thừa kế" giữa nguyên đơn là bà Võ Thị Kim L với bị đơn là ông Võ Văn S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Võ Thị L1, Võ Thị N, Võ Thị T, Võ Thị Kim L2, Võ Thị D, Võ Văn X, Võ Văn N1, Võ Thanh T và anh Võ Minh N.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ vụ án);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKT II, HS, THS.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tống Anh Hào